TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 384/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-12-2023
"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Nguyên Đăng và ông Nguyễn Văn Hoàn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 396/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 434/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 306/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1989; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Philippines.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Đặng Thái L, sinh năm 1985; nơi cư trú: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn*: Chị Ngô Thị Thanh H, sinh năm 1991; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.Nơi ở hiện nay: Vương quốc Campuchia.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Khu dân cư N, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Khu dân cư N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

(*Anh T, anh L, bà H1, bà N vắng mặt, có đơn và quan điểm xin vắng mặt. Chị H vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Đình T trình bày:

Anh và chị Ngô Thị Thanh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 27/12/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ anh ở khu dân cư N, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Cuối năm 2020, chị H đi lao động tại Campuchia. Thời gian đầu, vợ chồng anh vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, hàng tháng chị H đều gửi tiền về để anh chi tiêu sinh hoạt gia đình. Tháng 10/2022, anh và chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa cách nên còn không tin tưởng nhau. Anh đã gọi điện bảo chị H về nước để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung nhưng chị H không đồng ý mà còn chặn toàn bộ liên lạc với anh. Tháng 7/2023, anh đi lao động tại P. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ngô Thị Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Uyên N1, sinh ngày 04/12/2017 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 01/01/2020. Cháu N1 đang ở với anh và bà nội là Nguyễn Thị N, còn cháu Bảo A hiện đang ở cùng bà ngoại là Nguyễn Thị H1. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu N1 và giao cháu Bảo A cho chị H nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Trong thời gian anh chị ở nước ngoài, đề nghị Tòa án tạm giao cháu N1 cho bà Nguyễn Thị N và tạm giao cháu Bảo A cho bà Nguyễn Thị H1 nuôi dưỡng cho đến khi anh chị về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao nhận các văn bản của Tòa án là anh Đặng Thái L trình bày: Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông tin lại cho anh T biết. Quan điểm của anh T vẫn giữ nguyên như trong đơn khởi kiện và bản tự khai đã nộp cho Tòa án.

Do anh T không cung cấp được địa chỉ của chị H ở V Campuchia nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị H. Bà Nguyễn Thị H1 (là mẹ đẻ chị H) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo

cho chị H biết. Quan điểm của chị H là do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh T xin ly hôn thì chị H đồng ý. Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày là đúng. Chị và anh T đã thống nhất anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Uyên N1, còn chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo A. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Trong thời gian chị ở nước ngoài, đề nghị Tòa án tạm giao cháu Bảo A cho bà ngoại là Nguyễn Thị H1 nuôi dưỡng cho đến khi chị về Việt Nam. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị N có quan điểm: Trong thời gian anh T không ở Việt Nam, bà đồng ý nhận ủy quyền của anh T về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Uyên N1, đồng thời bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H1 có quan điểm: Trong thời gian chị H không ở Việt Nam, bà đồng ý nhận ủy quyền của chị H về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo A, đồng thời bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đình T ly hôn chị Ngô Thị Thanh H. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Uyên N1, sinh ngày 04/12/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 01/01/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao cháu N1 cho bà Nguyễn Thị N, tạm giao cháu Bảo A cho bà Nguyễn Thị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T, chị H không có mặt tại Việt Nam. Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Đình T đang sinh sống và làm việc tại P, chị Ngô Thị Thanh H đang sinh sống và làm việc tại V Campuchia, nơi cư trú cuối cùng

trước khi xuất cảnh của anh chị tại phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình chị H đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở V Campuchia. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị H1 là mẹ đẻ của chị H để bà H1 thông tin lại cho chị H biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị H. Đồng thời Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình T và chị Ngô Thị Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 27/12/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh T và chị H chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ anh T. Năm 2020, chị H đi lao động tại Campuchia. Tháng 10/2022, anh T và chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh T trình bày là do vợ chồng sống xa cách, không có sự tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ đó đến nay, hai anh chị không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay anh T và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T có đơn xin ly hôn, chị H đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Đình T và chị Ngô Thị Thanh H có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Uyên N1, sinh ngày 04/12/2017, hiện đang ở cùng bà nội là Nguyễn Thị N và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 01/01/2020, hiện đang ở với bà ngoại là Nguyễn Thị H1. Khi ly hôn, anh T và chị H đều có quan điểm giao cháu Uyên N1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Bảo A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Do anh T, chị H đang ở nước ngoài nên anh chị đề nghị Tòa án tạm giao cháu Uyên N1 cho bà Nguyễn Thị N nuôi dưỡng và tạm giao cháu Bảo A cho bà

Nguyễn Thị H1 nuôi dưỡng cho đến khi anh T và chị H về Việt Nam. Bà N và bà H1 đồng ý nhận ủy quyền của anh T, chị H. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của anh T và chị H về phần nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Đình T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đình T ly hôn chị Ngô Thị Thanh H.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Đình T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Ngọc Uyên N1, sinh ngày 04/12/2017; giao cho chị Ngô Thị Thanh H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 01/01/2020 kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao cháu Uyên N1 cho bà Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm giao cháu Bảo A cho bà Nguyễn Thị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T, chị H không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Đình T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2023/0000472 ngày 05 tháng 10 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đình T, chị Ngô Thị Thanh H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên

quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Thái Học, TP Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất